

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A (Có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh B tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Khoảng 3 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không lo làm ăn, thiếu quan tâm đến vợ con. Nay chị không còn tình cảm với anh B, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Trần Anh C, nay cháu C đã trưởng thành tự lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Ngọc D, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng,

nếu Tòa án cho chị được ly hôn với anh B, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh B có một căn nhà làm trên đất của cha mẹ chị, nhà có trị giá là 40.000.000đ, chị và anh B đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, chị yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị và anh B không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 11, ngày 28 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn B trình bày:

Anh thống nhất về quá trình chung sống, về không đăng ký kết hôn như chị A trình bày, anh và chị A tự tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1989 đến nay, giữa anh và chị A không có mâu thuẫn như chị A trình bày. Nay anh còn thương yêu chị A và con còn nhỏ, anh muốn hàn gắn tình cảm để lo cho vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Anh thống nhất theo trình bày của chị A, anh chị có hai con chung là cháu Trần Anh C, cháu C đã trưởng thành tự lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống và cháu Trần Ngọc D hiện nay cháu D đang do chị A nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị có căn nhà làm trên đất của cha mẹ vợ, trị giá khoảng 40.000.000đ, trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị A, anh đồng ý giao nhà cho chị A quản lý sử dụng, nếu sau này có yêu cầu, anh yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung quyết định vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A với anh Trần Văn B; Về con chung: Đề nghị giao cháu D cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không có yêu cầu; Đối với cháu C đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản

chung: Chị A và anh B đã tự thỏa thuận, về nợ chung không có và không có ai nợ lại, các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con, Tòa nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật định, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Đối với cháu Trần Anh C, nay đã trưởng thành tự lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống, chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Ngọc D, hiện nay đang do chị A nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu nên giao cháu cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Anh chị có căn nhà trị giá khoảng 40.000.000đ, anh B và chị A đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về nợ chung: Anh, chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị, anh B và chị A không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: BO/2014 – 00592, ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị A không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán